**Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia “*Nghiên cứu một số giải pháp công nghệ để dự phòng bệnh do virus Zika và bệnh sốt xuất huyết Dengue*”, mã số KC.10.20/16-20**

Tổng kinh phí: 5.920 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách SNKH: 5.920 triệu đồng.

+ Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng

Thời gian thực hiện: Từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2020;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Học viện Quân y;

Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Nguyễn Khắc Lực;

Các thành viên tham gia thực hiện chính nhiệm vụ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
|  | Nguyễn Khắc Lực | Phó giáo sư, Tiến sỹ | Học viện Quân y |
|  | Lê Quốc Tuấn | Thạc sỹ | Học viện Quân y |
|  | Trần Thanh Dương | Phó giáo sư, Tiến sỹ | Viện Sốt rét – KST và Côn trùng Trung ương |
|  | Nguyễn Văn Dũng | Tiến sỹ | Viện Sốt rét – KST và Côn trùng Trung ương |
|  | Nguyễn Thị Vân | Thạc sỹ | Học viện Quân y |
|  | Phạm Văn Minh | Tiến sỹ | Học viện Quân y |
|  | Vũ Đức Chính | Tiến sỹ | Viện Sốt rét – KST và Côn trùng Trung ương |
|  | Lê Trung Kiên | Thạc sỹ | Viện Sốt rét – KST và Côn trùng Trung ương |
|  | Phan Quốc Việt | Cử nhân | Công ty Cổ phần công nghệ Việt Á |

1. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu: Tháng 1/2021, tại Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

2. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

2.1.Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

2.1.1. Sản phẩm dạng 1

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
|  | Hợp chất xua, diệt muỗi *Aedes* |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Hợp chất dẫn dụ muỗi *Aedes* |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Hợp chất diệt bọ gậy muỗi *Aedes* |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Thiết bị sử dụng chất dẫn dụ để diệt muỗi trưởng thành |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Thiết bị sử dụng chất dẫn dụ để diệt bọ gậy |  | x |  |  | x |  |  | x |  |

2.1.2. Sản phẩm dạng 2:

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
|  | Quy trình điều chế chế phẩm xua diệt - XD muỗi truyền virus Zika và virus sốt xuất huyết dengue có nguồn gốc từ thực vật |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Quy trình điều chế chế phẩm dẫn dụ-DD để diệt muỗi, bọ gậy |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Quy trình chế tạo và vận hành thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ để diệt bọ gậy |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Quy trình chế tạo và vận hành thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ để diệt bọ gậy |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 5 | Tiêu chuẩn cơ sở của các chế phẩm xua diệt muỗi truyền virus Zika và virus sốt xuất huyết dengue có nguồn gốc từ thực vật và chế phẩm dẫn dụ để diệt muỗi, bọ gậy. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 6 | Tiêu chuẩn cơ sở của các thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ để diệt muỗi và bọ gậy. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 7 | Báo cáo các đánh giá kết quả ứng dụng các sản phẩm trong cộng đồng |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 8 | Báo cáo kết quả xác định mật độ muỗi Aedes truyền virus Zika và virus sốt xuất huyết dengue ở Việt Nam |  | x |  |  | x |  |  | x |  |

2.1.3. Sản phẩm dạng 3:

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
|  | 1 bài quốc tế, 5 bài trong nước | x |  |  |  | x |  |  | x |  |

2.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Tên cơ quan**  **ứng dụng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

2.3. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

* + Đề tài nghiên cứu đã thu thập được các dữ liệu cập nhật và chính xác về thành phân loài, mật độ, các đặc điểm tập tính cơ bản của các loài muỗi Aedes truyền virus Zika và virus sốt xuất huyết Dengue.
  + Đã nghiên cứu xác định được liều lượng có tác dụng xua muỗi, thời gian tác dụng xua muỗi của các loại tinh dầu. Đề tài đã phát hiện được khả năng diệt muỗi Aedes của các loại tinh dầu.
  + Đã nghiên cứu điều chế được các chế phẩm từ thực vật có tác dụng dẫn dụ muỗi nhằm ứng dụng trong các dụng cụ, thiết bị dẫn dụ muỗi để diệt và dẫn dụ muỗi đẻ trứng để diệt bọ gậy. Đã điều chế được các chế phẩm từ thực vật có tác dụng diệt bọ gậy muỗi *Aedes*.
  + Đã thiết kế và chế tạo được các thiết bị dẫn dụ muỗi *Aedes* để diệt và dẫn dụ muỗi *Aedes* đẻ trứng để diệt bọ gậy.

2.4. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

*2.4.1. Hiệu quả kinh tế*

Các chế phẩm xua, diệt muỗi; các chế phẩm dẫn dụ muỗi; các chế phẩm diệt bọ gậy được điều chế từ thực vật ở Việt Nam đã mở ra khả năng khai thác và cung cấp nguyên liệu hàng hóa cho các ứng dụng thực tiễn.

*2.4.2. Hiệu quả xã hội*

Các kết quả và sản phẩm của đề tài có thể ứng dụng trong công tác phòng chống muỗi *Aedes* và phòng chống dịch bệnh do các loài muỗi này lây truyền, đặc biệt là dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue.

2.5. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* **√** *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | x |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

- Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

*- Xuất sắc*

x

*- Đạt*

*- Không đạt*

***Nguồn: Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước***